

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST

Ngày 06- 8 - 2024

“V/v ly hôn, nuôi con chung giữa
anh Quyết và chị Nhài”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Diễm;

2. Ông Nguyễn Văn Diệu.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Minh Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 79/2024/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Trần Đức Q, sinh năm 1998

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- **Bị đơn:** Chị Phạm Thị Thu N, sinh năm 2000

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đồng Kỵ, xã Đông Hải, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

Nơi ở: Thôn An Lạc 3, xã An Vinh, huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt anh Q, chị N có đơn xin xét xử vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Đức Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Phạm Thị Thu N1** do, tự nguyện tìm hiểu

dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 08/10/2018 tại Ủy ban nhân dân xã ĐSau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh. Quá trình chung sống đến tháng 02/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, xô xát, cũng thời gian đó vợ chồng ly thân, chị N2 tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn A, xã A, huyện Q, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N3 còn, anh xin ly hôn chị N

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị Thu N4 01 con chung là Trần A D sinh ngày 21/8/2018, hiện đang ở với chị N. Ly hôn, anh nhất trí để chị N5 tiếp nuôi dưỡng con chung, anh nhất trí cấp dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt bị đơn chị Phạm Thị Thu N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị xác nhận thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như anh Trần Đức Q đã trình bày là đúng. Nay anh Q có đơn xin ly hôn, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Q không còn, chị nhất trí ly hôn anh Q

Về con chung: Chị xác nhận vợ chồng có 01 con chung như anh Trần Đức Q đã trình bày là đúng. Ly hôn, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu anh Q1 dưỡng cho con 2.000.000 đồng/tháng. Hiện tại, chị không có thai nghén gì.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho anh Trần Đức Q2 ly hôn chị Phạm Thị Thu N; Xử giao con chung T ngày 21/8/2018 cho chị Phạm Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, anh Q3 trách nhiệm cấp dưỡng cho con là 2.000.000đồng/tháng. Anh Q có quyền, nghĩa vụ đi lại trông nom và giáo dục con chung; Về tài sản: không đặt ra giải quyết; Anh Q phải chịu cả tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tổ tụng: Anh Trần Đức Q khởi kiện ly hôn và nuôi con chung với chị Phạm Thị Thu N Do chị N là bị đơn cư trú **thôn A, xã A, huyện Q** Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Trần Đức Q4** chị Phạm Thị Thu N là vợ chồng, được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 08/10/2018 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 04/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thương yêu thông cảm cho nhau, cũng thời gian đó vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn, anh xin ly hôn chị N. Chị **N6** xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh **Q5** còn, chị nhất trí ly hôn anh **Q6** Tòa án đã ấn định thời gian hòa giải nhưng chị N không có mặt, chị N không có thiện chí hòa giải. Mặt khác vợ chồng vẫn ly thân, không ai quan tâm đến ai, điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa anh **Q4** chị N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ còn tồn tại về mặt hình thức, vì vậy cần xử cho anh Q được ly hôn chị N là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh **Trần Đức Q4** chị Phạm Thị Thu N có 01 con chung là **Trần A** Dsinh ngày 21/8/2018, hiện đang ở với chị N. Ly hôn, chị **N4** nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị yêu cầu anh **Q1** dưỡng cho con 2.000.000đồng/tháng. Anh **Q7** có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh không yêu cầu chị **N7** dưỡng cho con nhưng tại phiên tòa anh nhất trí để chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh đồng ý mức cấp dưỡng cho con như chị **N8** cầu. Xét nguyện vọng nuôi con của chị N là chính đáng, con đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, con chung đang ở độ tuổi cần có sự quan tâm của mẹ. Chị N có đủ điều kiện để nuôi con nên cần giao con chung Trần Anh D cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh **Q3** trách nhiệm cấp dưỡng cho con 2.000.000đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng cho con tính từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi là đáp ứng được nguyện vọng của con chung và phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] Về tài sản: Anh Trần Đức Q và chị **Phạm Thị Thu N9** không yêu cầu Toà án giải quyết nên về tài sản Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Anh Trần Đức Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Anh **Trần Đức Q4** chị Phạm Thị Thu N có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Trần Đức Q2** ly hôn chị Phạm Thị Thu N.

2. Về nuôi con chung: Xử giao con chung là **Trần A** Dsinh ngày 21/8/2018 cho cho chị Phạm Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng. Anh **Q3** trách nhiệm cấp dưỡng cho con 2.000.000đồng/tháng (*Hai triệu đồng một tháng*), thời gian cấp dưỡng cho con tính từ tháng 8/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Q có quyền đi lại thăm nom và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị N, Anh Q có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Đức Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng cho con. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) anh Q đã nộp theo biên lai thu số 0004694 ngày 17 tháng 4 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ được chuyển thành tiền án phí ly hôn. Anh **Q8** phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng cho con.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Trần Đức Q có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Phạm Thị Thu N vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- Nơi ĐKKH: UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên